



## CÔNG TY CP NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014:

#### 1. ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH:

Trong năm 2014, tình hình thế giới có nhiều bất ổn ở nhiều khu vực và trải rộng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến thương mại toàn cầu.

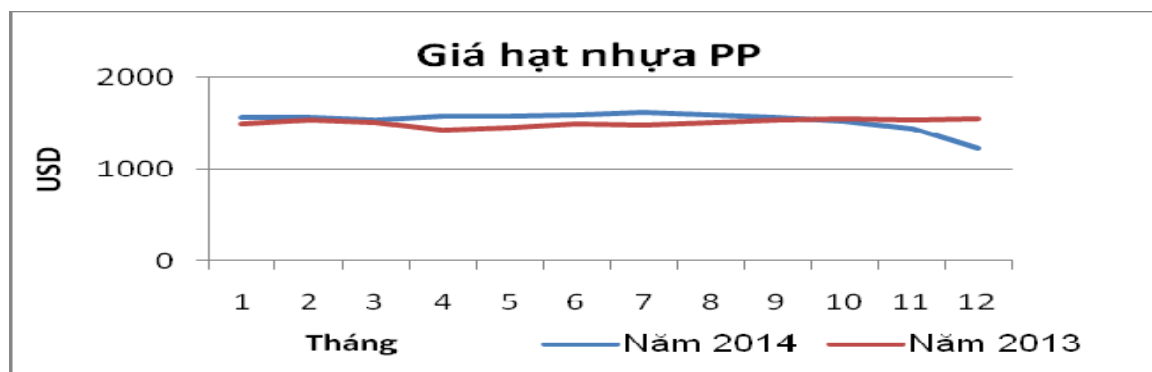
Kinh tế Châu Âu vẫn chưa thoát khỏi gánh nặng nợ công sau nhiều giải pháp của chính phủ các nước. Tuy các nền kinh tế mạnh như Đức và Anh vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, các nước phía Nam như Pháp và Ý, Tây Ban Nha, Hy Lạp vẫn là gánh nặng cho kinh tế khu vực; GDP toàn vùng dùng đồng Euro chỉ tăng khoảng 0,8%. Kinh tế không phát triển, kéo đời sống xã hội tụt xuống, khiến nhiều nơi phải bóp chặt chi tiêu, tăng các khoản thuế, nạn thất nghiệp có nơi lên tới 10%, gây ra nhiều cuộc biểu tình phản đối lôi kéo hàng ngàn người tham gia, gây mất ổn định chính trị.

Nền kinh tế Mỹ tuy đã có nhiều dấu hiệu hồi phục và dần đi vào ổn định. Tuy nhiên quan hệ Mỹ - Nga phát sinh nhiều căng thẳng dẫn đến các phản ứng gây ảnh hưởng chung đến kinh tế thế giới. Bất ổn chính trị tại Ukraine, sự tham gia của Mỹ và các nước Châu Âu là những tác nhân chính trị gây ảnh hưởng bất thường đến thị trường dầu hỏa. Giá dầu hỏa lao dốc từ 100 USD/ thùng vào tháng 7/2014 xuống còn 55 USD/ thùng vào cuối tháng 12/2014. Do nhựa là một sản phẩm từ dầu hỏa nên giá nhựa trong năm 2014 đã giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm trở lại đây.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp...

#### Tình hình giá nguyên liệu :

| Tháng | Giá PP bình quân (usd/tấn) |        |        |                   |        |        | So sánh 2014/2013 |        |
|-------|----------------------------|--------|--------|-------------------|--------|--------|-------------------|--------|
|       | Năm 2014                   |        |        | Năm 2013          |        |        | BQ Quý            | BQ Năm |
|       | BQ Tháng Năm 2014          | BQ Quý | BQ Năm | BQ Tháng Năm 2013 | BQ Quý | BQ Năm |                   |        |
| 1     | 1565                       | 1,552  | 1,529  | 1,489             | 1,509  | 1,504  | 2.85%             | 2%     |
| 2     | 1557                       |        |        | 1,537             |        |        |                   |        |
| 3     | 1533                       |        |        | 1,500             |        |        |                   |        |
| 4     | 1577                       | 1,583  |        | 1,426             | 1,456  |        | 8.67%             |        |
| 5     | 1579                       |        |        | 1,454             |        |        |                   |        |
| 6     | 1592                       |        |        | 1,489             |        |        |                   |        |
| 7     | 1612                       | 1,585  |        | 1,483             | 1,508  |        | 5.11%             |        |
| 8     | 1584                       |        |        | 1,507             |        |        |                   |        |
| 9     | 1558                       |        |        | 1,533             |        |        |                   |        |
| 10    | 1522                       | 1,397  |        | 1,540             | 1,542  |        | -9.40%            |        |
| 11    | 1443                       |        |        | 1,535             |        |        |                   |        |
| 12    | 1226                       |        |        | 1,551             |        |        |                   |        |



## 2. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH & KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014:

**Tổng sản lượng (XK+NĐ) năm 2014: Đạt 10,926 tấn, tăng 6.4% so với năm 2013, trong đó:**

- Tổng Sản lượng XK năm 2014: 7,112.8 tấn, tăng 9.9% so với năm 2013
- Tổng Sản lượng NĐ năm 2014: 3,812.2 tấn, tăng 0.3% so với năm 2013

**Tổng Doanh thu (XK+NĐ) năm 2014: Đạt 480 tỷ, tăng 20,7% so với năm 2013, , trong đó:**

- Tổng Doanh thu XK năm 2014: Đạt 425 tỷ, tăng 9.0% so với năm 2013
- Tổng Doanh thu NĐ năm 2014: Đạt 151 tỷ, tăng 15.4% so với năm 2013

### Tỷ trọng Xuất Khẩu / Nội Địa năm 2014

|                  | 2013      |         | 2014      |         |
|------------------|-----------|---------|-----------|---------|
|                  | Xuất khẩu | Nội địa | Xuất khẩu | Nội địa |
| <b>Sản lượng</b> | 63%       | 38%     | 65.1%     | 34.9%   |
| <b>Doanh thu</b> | 75%       | 25%     | 73.79%    | 26.21%  |

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2014

| STT | Chỉ tiêu cơ bản    | Kế hoạch 2013 | Thực hiện     | % Đạt  |
|-----|--------------------|---------------|---------------|--------|
| 01  | Sản lượng bao bì   | 9,700 tấn     | 10,926 tấn    | 112.4% |
| 02  | Doanh thu          | 477 tỷ đồng   | 576 tỷ đồng   | 120.7% |
| 03  | Lợi nhuận sau thuế | 17 tỷ đồng    | 11,73 tỷ đồng | 69%    |

## II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2015

### DỰ BÁO NGẮN HẠN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Sự kiện giá hạt nhựa giảm mạnh vào cuối năm 2014 đã ảnh hưởng đến giá bán đầu năm 2015. Giá dầu thế giới dự báo sẽ ít giao động hơn năm 2014, tuy nhiên vẫn giữ ở mức thấp ít nhất đến Quý 2/ 2015. Do đó ảnh hưởng từ giá bán giảm có thể sẽ ảnh hưởng đến doanh thu của công ty trong 6 tháng đầu năm 2015.
- Xu hướng của các doanh nghiệp xuất khẩu là tập trung vào những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hiện đại hóa dây chuyền công nghệ, chú trọng vào những sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn với sức khỏe tiêu dùng, đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Thị trường Châu Âu và Mỹ tiếp tục có nhiều chuyên biến để thúc đẩy sự phát triển.
- Áp lực tăng chi phí đầu vào vẫn đè nặng lên các doanh nghiệp khi giá điện, xăng dầu tăng.
- Các doanh nghiệp có sức cạnh tranh kém sẽ tiếp tục bị đào thải.

### MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Phát triển thị phần tại các thị trường quen thuộc và tìm kiếm khách hàng ở các thị trường mới. Nghiên cứu các xu hướng và sản phẩm mới.
- Có kế hoạch phát triển nhân sự lâu dài, theo hai hướng: nâng cao năng lực nhân sự nòng cốt và đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Phân tích các chi phí không hợp lý nhằm đề ra các biện pháp tiết giảm.

- Chủ động tiếp cận công nghệ mới, cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tỷ lệ phế và tăng tính cạnh tranh của công ty.

## **KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

### **1. Về hoạt động kinh doanh & cung ứng /gia công:**

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu
- Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng => Thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.

### **2. Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:**

#### **a) Công nghệ:**

- Tăng cường phân tích sản phẩm cạnh tranh, tạo thêm nhiều mẫu mới có giá trị gia tăng cao
- Tận dụng các nguyên liệu, phụ gia tồn kho và đảm bảo các PXSX sử dụng đúng mã số, cấp chất lượng.
- Đánh giá máy móc thiết bị toàn công ty: Sỏi, dẹt, tráng, cắt, in và cải tiến phù hợp với năng suất, tính năng của sản phẩm

#### **b) Quản lý chất lượng:**

- Cải tiến thông tin thông kê làm cơ sở cho BGD đánh giá hoạt động SX các bộ phận.
- Cơ cấu toàn bộ mô hình QA, nhiệm vụ, tiêu chí đánh giá.

#### **c) Cơ điện:**

- Tuân thủ thực hiện đúng kế hoạch BTSC bang hành, Giám sát đánh giá kết quả BTSC của các phân xưởng. Giảm số lần xảy ra sự cố phát sinh hư hỏng do BTSC kém
- Giải quyết kịp thời nhanh nhất những hư hỏng phát sinh MMTB để kịp SX không ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng mà nguyên nhân do MMTB
- Quản lý, kiểm soát VTKT hiệu quả
- Quản lý kiểm soát sử dụng các nguồn năng lượng : Điện – Nước hiệu quả
- Quản lý về an toàn trong quá trình sử dụng.
- Thực hiện tốt và duy trì các giải pháp tiết kiệm.

### **3. Về sản xuất:**

- Tuân thủ Quy trình sản xuất Ban giám đốc ban hành & hệ thống ISO.
- Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
- Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng.
- Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật.
- Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy.
- Tiết kiệm điện và nhiên liệu.
- Giảm phế liệu phế phẩm.
- Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.

### **4. Về HCNS:**

- Tuyển dụng: Đáp ứng yêu cầu sản xuất kịp thời và giảm tỷ lệ nghỉ việc.
- An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp: (1) xây dựng hướng dẫn thao tác làm việc an toàn đối với từng nhóm máy cụ thể, (2) cải thiện máy móc thiết bị để đảm bảo an toàn.
- An ninh trật tự: Tiếp tục cải tiến hệ thống phòng chống trộm cắp.

### **5. Về tài chính kế toán:**

- Kiểm soát công nợ và dự báo nợ. Phát hiện và xử lý kịp thời các khoản nợ quá hạn . Không để xảy ra trường hợp nợ xấu phát sinh trong năm.
- Tăng cường kiểm tra và kiểm soát chi phí. Hỗ trợ các phòng ban phân tích mức tăng giảm chi phí của từng phân xưởng nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy trình xuất nhập kho, lưu trữ chứng từ sổ sách để đảm bảo không bị sai sót hoặc thất thoát.

- Theo dõi các khoản đầu tư, tích cực tìm kiếm lợi nhuận tài chính khác. Đảm bảo dòng tiền chi trả cho các khoản nợ phải trả, nợ vay...Đáp ứng kịp tiến độ thanh toán.
- Theo dõi giám sát chặt chẽ hàng tồn kho & phối hợp các Bộ phận khác để có hướng xử lý kịp thời.

### CHỈ TIÊU NĂM 2015

| STT | Chỉ tiêu cơ bản    | Năm 2015    |
|-----|--------------------|-------------|
| 01  | Sản lượng bao bì   | 10,000 tấn  |
| 02  | Doanh thu          | 480 tỷ đồng |
| 03  | Lợi nhuận sau thuế | 10 tỷ đồng  |
| 04  | Cổ tức             | 4.5%        |

### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

| Chỉ Tiêu                           | Sản lượng       | Doanh Thu         | Doanh Thu          | Lợi Nhuận         |
|------------------------------------|-----------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| <i>Tỷ Giá: 21.458đ/usd</i>         | <i>đvt: tấn</i> | <i>đvt: (usd)</i> | <i>đvt:1.000đ</i>  | <i>đvt:1.000đ</i> |
| <b>Tổng cộng trị giá Kế hoạch</b>  | <b>10,000</b>   | <b>22,369,280</b> | <b>480,000,000</b> | <b>10,000,000</b> |
| Sản Lượng Nội Địa                  | 2,800           | 5,079,030         | 108,985,815        | 1,000,000         |
| Sản Lượng Xuất Khẩu                | 7,200           | 17,290,250        | 371,014,185        | 8,000,000         |
| <b>Tổng cộng Lợi nhuận từ HĐSX</b> |                 |                   |                    | <b>9,000,000</b>  |
| <b>Tổng cộng LN từ HĐ khác</b>     |                 |                   |                    | <b>1,000,000</b>  |
| <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>   |                 |                   |                    | <b>10,000,000</b> |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận / CP</b>      |                 |                   |                    | <b>5.0%</b>       |

### KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN NĂM 2015

(đvt: vnd)

|                              |                        |
|------------------------------|------------------------|
| * Sử dụng hoạt động SXKD     | 250,000,000,000        |
| * Sử dụng đầu tư ngắn hạn    | 80,000,000,000         |
| * Sử dụng đầu tư dài hạn     | -                      |
| * Sử dụng đầu tư BDS dài hạn | 10,000,000,000         |
| * Trả cổ tức cổ đông         | 10.634.478.000         |
| <b>Tổng Cộng</b>             | <b>350.634.478.000</b> |

#### Trong đó

| Đơn vị Đầu tư                          | Nội dung đầu tư           | Tiền đầu tư    |
|--|---------------------------|----------------|
| Ngân hàng EXIMBank                     | Cổ phiếu                  | 11,300,000,000 |
| Cty CP Đầu tư Xây dựng Tân Đô          | Kinh doanh khu CN & Nhà ở | 1,500,000,000  |
| Cty CP Đầu tư và DV Hạ tầng Á Châu     | Kinh doanh dịch vụ Cảng   | 10,000,000,000 |
| Đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất kd |                           | 10,000,000,000 |

CHỦ TỊCH HĐQT  
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
(Đã ký)

PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG